

cuu duong than cong. com

Chương 2

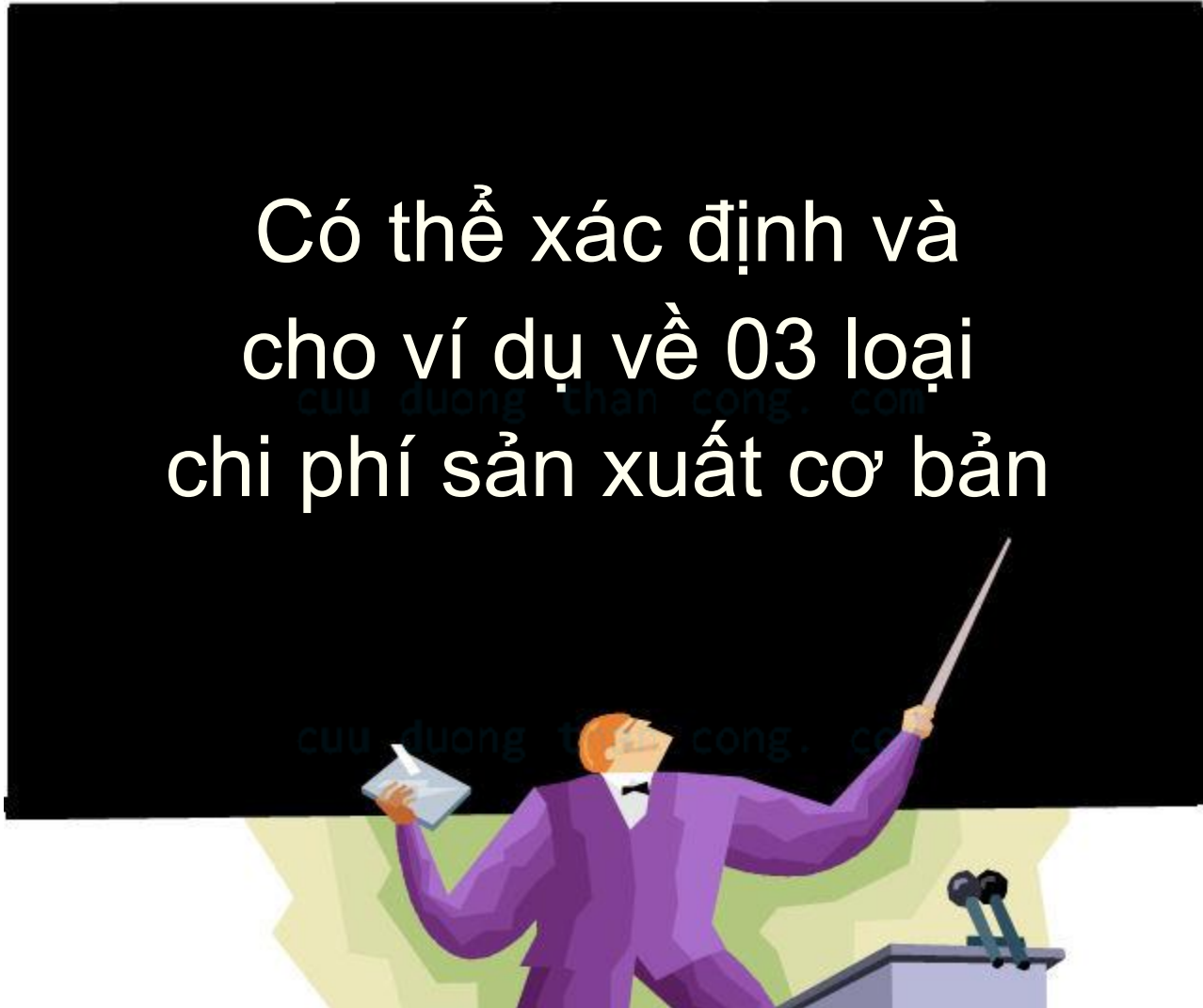
Phân loại chi phí

cuu duong than cong. com

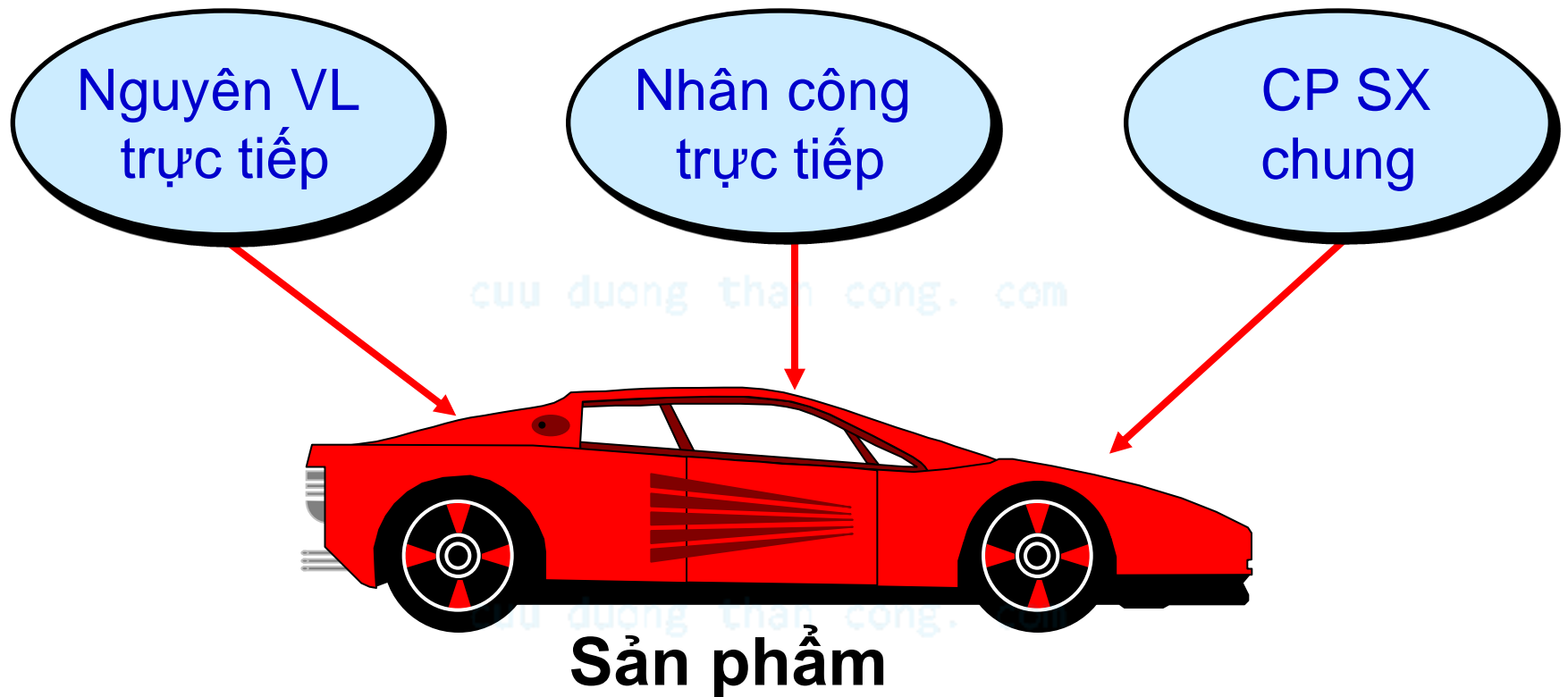
Bản quyền thuộc ĐH Kinh tế, ĐHQGHN

MỤC TIÊU 01

Có thể xác định và
cho ví dụ về 03 loại
chi phí sản xuất cơ bản

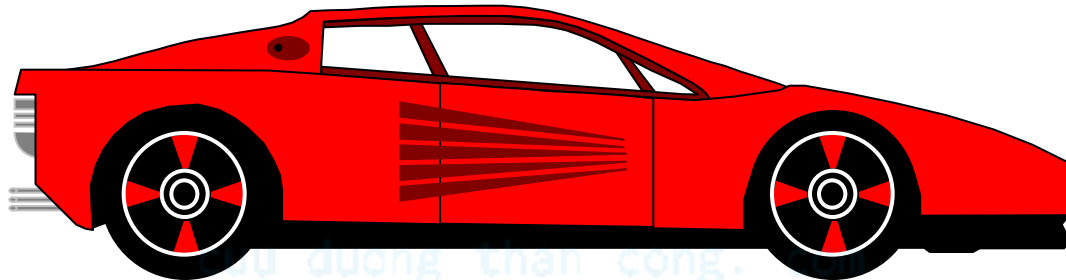


Chi phí sản xuất



Nguyên vật liệu trực tiếp

NVL tham gia cấu thành nên sản phẩm và có thể dễ dàng nhận dạng được.

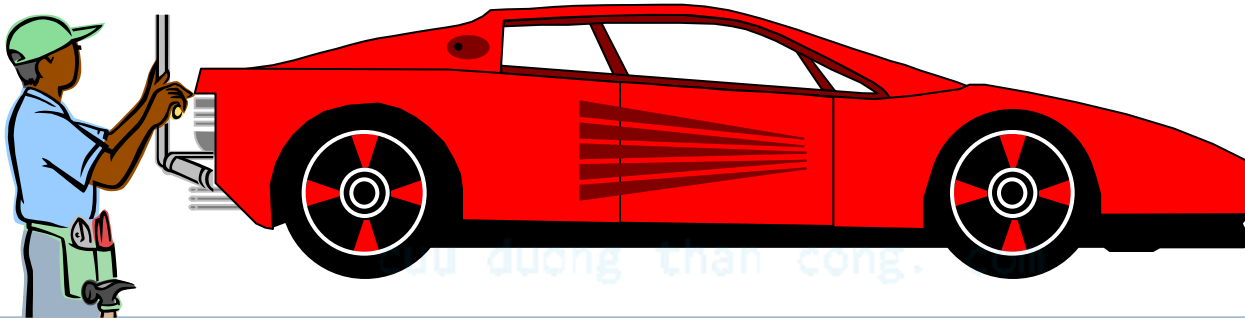


VD: Radio lắp đặt trong ô tô

Nhân công trực tiếp

CP nhân công trực tiếp có thể dễ dàng nhận dạng được cho từng đơn vị SP.

cuu duong than cong. com



VD: Lương công nhân lắp ráp ô tô

Chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất không thể nhận dạng trực tiếp cho từng đơn vị sản phẩm.

VD: NVL và nhân công gián tiếp

NVL sử dụng để hỗ trợ cho quá trình sản xuất.

VD: dầu mỡ và vật dụng làm sạch dùng trong nhà máy lắp ráp ô tô.

Lương nhân viên không trực tiếp tham gia SX.

VD: công nhân bảo trì, bảo vệ

Chi phí sản xuất

CP bán hàng

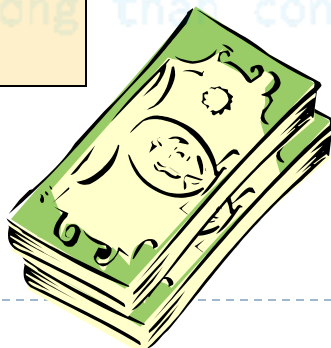


**CP cần thiết để
đảm bảo cho ĐĐH
và giao SP.**

CP quản lý



**Các chi phí hành chính,
tổ chức-quản lý
và thư ký văn phòng.**



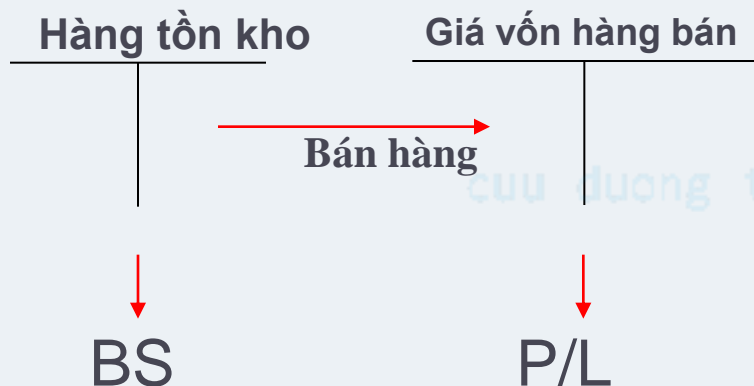
MỤC TIÊU 02

Phân biệt được
chi phí sản phẩm và
chi phí thời kỳ, cho ví dụ
về mỗi loại chi phí

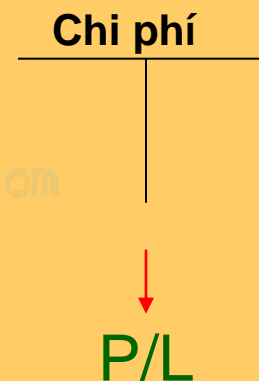


Chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ

Chi phí sản phẩm bao gồm CP NVL trực tiếp, NC trực tiếp và CPSX chung.

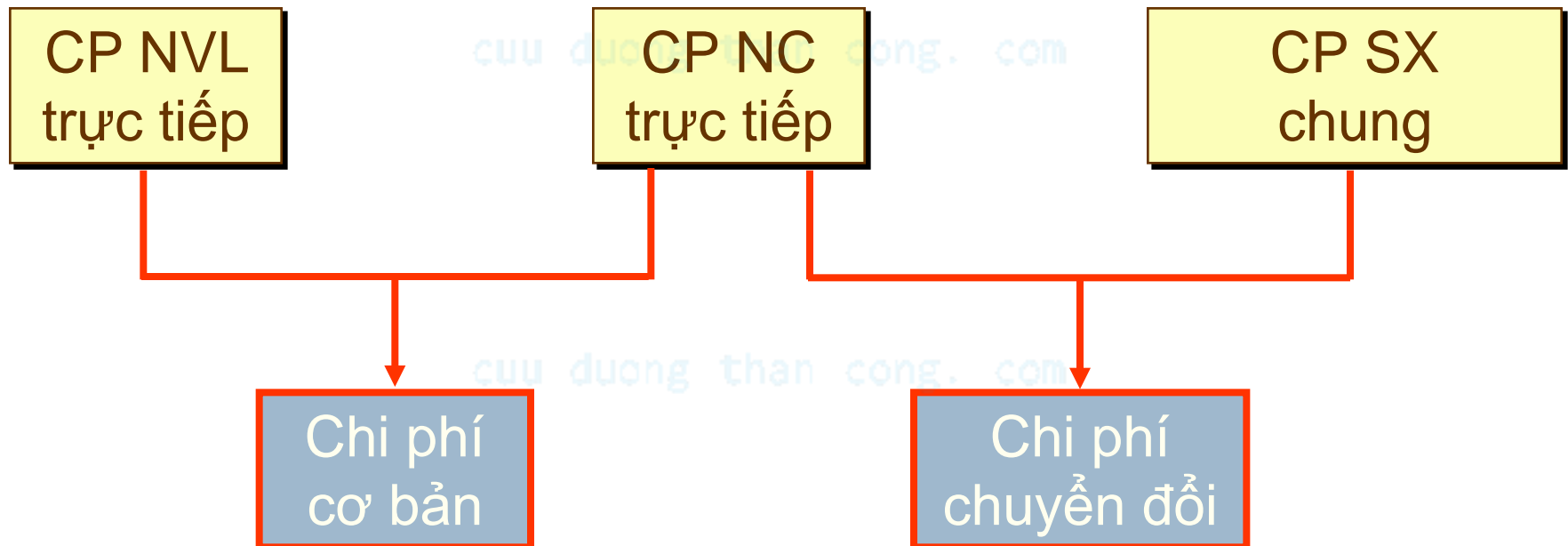


Chi phí thời kỳ bao gồm toàn bộ chi phí bán hàng và chi phí quản lý.



Phân loại chi phí

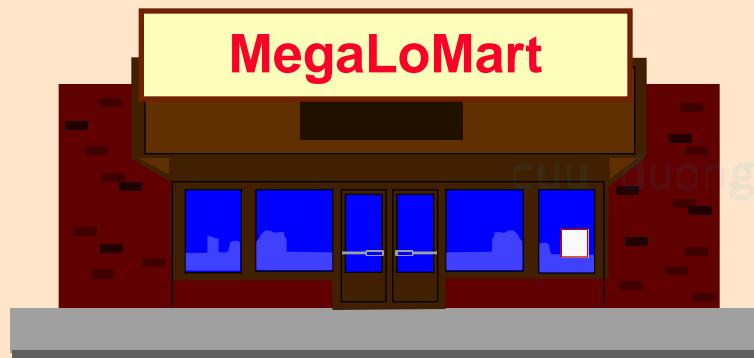
CP sản xuất thường được
phân loại thành:



So sánh DN thương mại và DN sản xuất

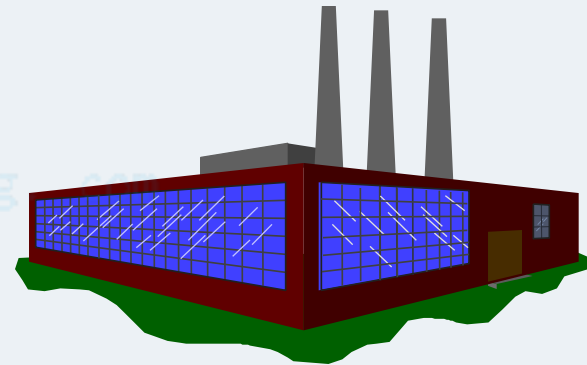
DN thương mại ...

- Mua hàng hóa.
- Bán hàng hóa.



DN sản xuất ...

- Mua NVL.
- Sản xuất và bán thành phẩm.



Bảng cân đối kế toán (BS)

DN thương mại

Tài sản lưu động

- ◆ Tiền
- ◆ Các khoản phải thu
- ◆ Hàng hóa

DN sản xuất

Tài sản lưu động

- ◆ Tiền
- ◆ Các khoản phải thu
- ◆ Hàng tồn kho
 - Nguyên vật liệu
 - Sản phẩm dở dang
 - Thành phẩm

MỤC TIÊU 3

Lập báo cáo lãi lỗ
(gồm tính giá vốn
hàng bán)



Báo cáo lãi lỗ

Chỉ tiêu giá vốn hàng bán của DN thương mại có khác biệt nhỏ so với DN sản xuất

DN thương mại

Giá vốn hàng bán:

Hàng tồn đầu kỳ	\$ 14,200
+ Mua trong kỳ	<u>234,150</u>
Hàng hóa sẵn sàng để bán	\$ 248,350
- Hàng tồn cuối kỳ	<u>(12,100)</u>
= Giá vốn hàng bán	<u><u>\$ 236,250</u></u>

DN sản xuất

Giá vốn hàng bán:

Thành phẩm tồn ĐK	\$ 14,200
+ Chi phí SX phát sinh trong kỳ	<u>234,150</u>
Thành phẩm sẵn sàng để bán	\$ 248,350
- Thành phẩm tồn cuối kỳ	<u>(12,100)</u>
= Giá vốn hàng bán	<u><u>\$ 236,250</u></u>

Công thức tính hàng tồn kho cơ bản

**Số dư
đầu kỳ**

+

**SPS tăng
(nhập kho)**

=

**Số dư
cuối kỳ**

+

**SPS giảm
(xuất kho)**



MỤC TIÊU 4

Lập báo cáo chi phí sản xuất

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com



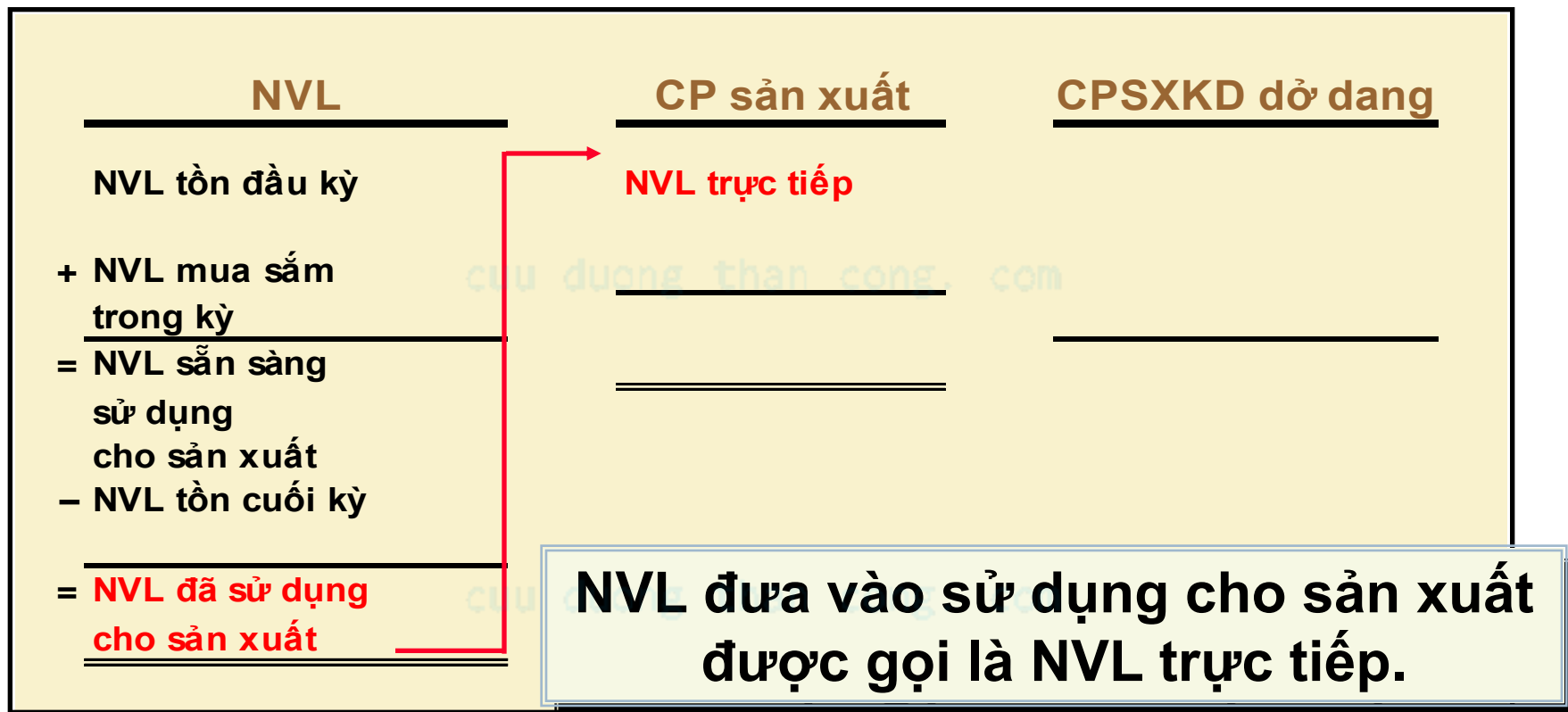
Dự toán chi phí sản xuất

Tính toán chi phí NVL trực tiếp, NC trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

Tính toán chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm hoàn thành trong kỳ.



Luồng chi phí sản phẩm



Luồng chi phí sản phẩm

NVL

NVL tồn đầu kỳ

+ NVL mua sắm
trong kỳ

= NVL sẵn sàng
sử dụng
cho sản xuất

– NVL tồn cuối kỳ

= NVL đã sử dụng
cho sản xuất

CP sản xuất

NVL trực tiếp

+ NC trực tiếp

+ CPSX chung

= **Tổng chi phí
sản xuất**

CPSXKD dở dang

CP chuyển đổi
là chi phí phát
sinh để chuyển
đổi NVL trực
tiếp thành
thành phẩm.

Luồng chi phí sản phẩm

<u>NVL</u>	<u>CP sản xuất</u>	<u>CPSXKD dở dang</u>
NVL tồn đầu kỳ	NVL trực tiếp	CPSXKD DD đầu kỳ
+ NVL mua sắm trong kỳ	+ NC trực tiếp	
= NVL sẵn sàng sử dụng cho sản xuất	+ CPSX chung	+ Tổng chi phí sản xuất
- NVL tồn cuối kỳ	= Tổng chi phí sản xuất	= Tổng CPSXKD dở dang trong kỳ
= NVL đã sử dụng cho sản xuất		

Tổng chi phí sản xuất trong kỳ được cộng thêm vào CPSXKD dở dang đầu kỳ.

Luồng chi phí sản phẩm

NVL

NVL tồn đầu kỳ
+ NVL mua sắm
trong kỳ
= NVL sẵn sàng
sử dụng
cho sản xuất
– NVL tồn cuối kỳ

CP sản xuất

NVL trực tiếp
+ NC trực tiếp
+ CPSX chung
= Tổng chi phí
sản xuất

CPSXKD dở dang

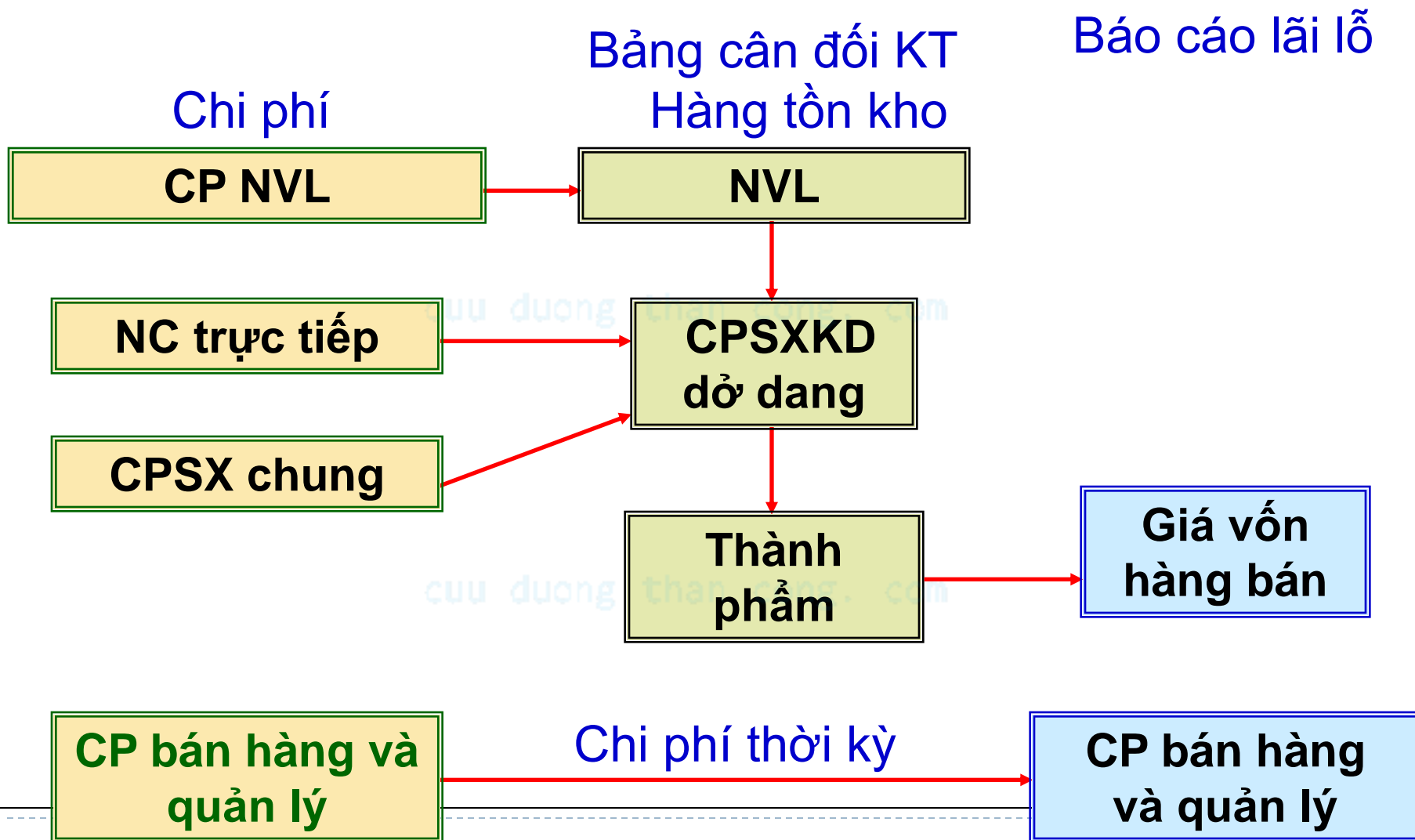
CPSXKD dở dang
đầu kỳ
+ Tổng chi phí
sản xuất
= Tổng chi phí SXKD
dở dang trong kỳ
– CPSXKD dở dang
cuối kỳ
= Giá thành
sản xuất

Chi phí liên quan đến sản phẩm hoàn thành trong kỳ được kết chuyển sang TK thành phẩm.

Luồng chi phí sản phẩm

CPSXKD dở dang	Thành phẩm
<p>CPSXKD dở dang đầu kỳ</p> <p>+ CP sản xuất phát sinh trong kỳ</p> <hr/> <p>= Tổng CPSXKD dở dang trong kỳ</p> <p>- CPSXKD dở dang cuối kỳ</p> <hr/> <p>= Giá thành sản xuất</p>	<p>Thành phẩm tồn đầu kỳ</p> <p>+ Giá thành sản xuất</p> <hr/> <p>= Giá thành thành phẩm sẵn sàng để bán</p> <p>- Thành phẩm tồn cuối kỳ</p> <hr/> <p>= Giá vốn hàng bán</p>

Luồng chi phí sản xuất



MỤC TIÊU 5

Phân biệt được
chi phí biến đổi (biến phí)
và chi phí cố định
(định phí)



Phân loại chi phí để dự đoán cách ứng xử của chi phí



Chi phí sẽ thay đổi như thế nào cùng với sự thay đổi của mức hoạt động?

- ▶ Tổng **biến phí** thay đổi khi mức hoạt động thay đổi.
- ▶ Tổng **định phí** không đổi khi mức hoạt động thay đổi.

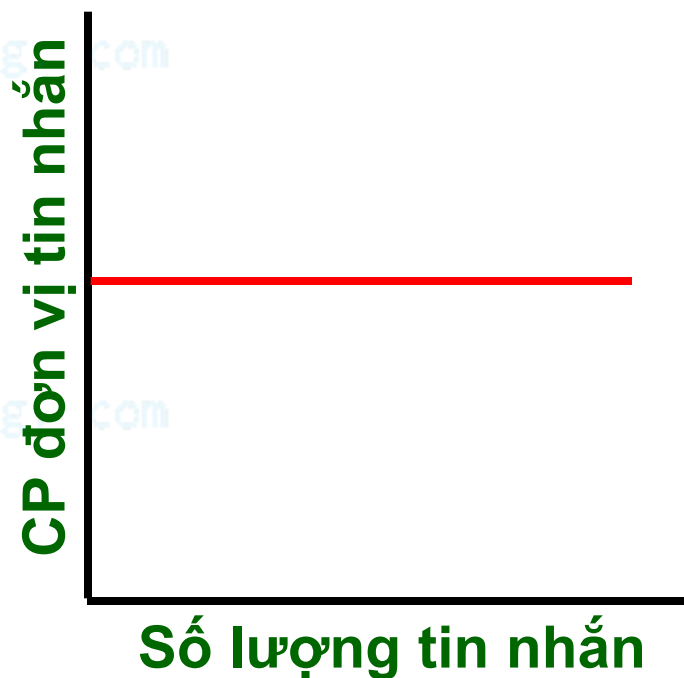
Biến phí

Chi phí tin nhắn được tính trên cơ sở số lượng tin nhắn.



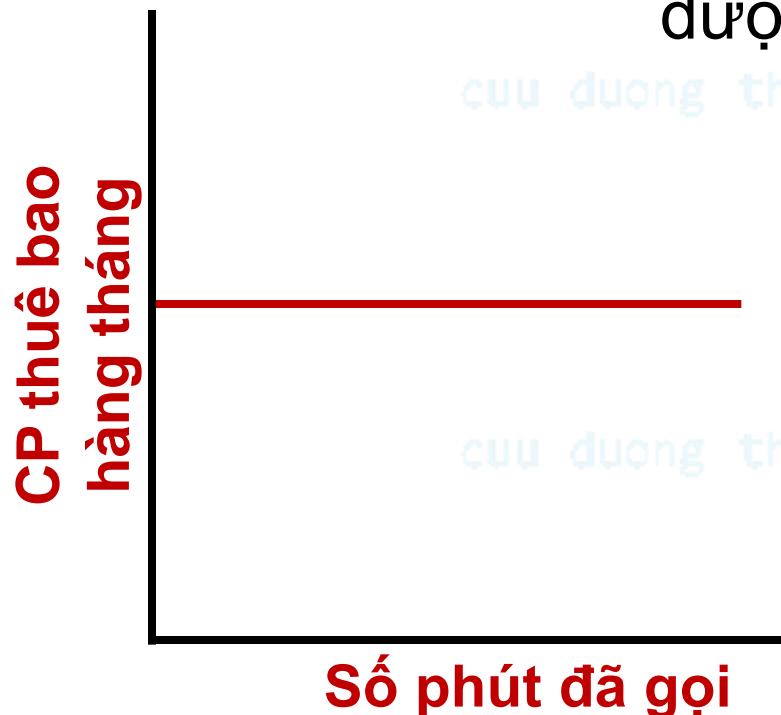
Biến phí đơn vị

Chi phí đơn vị tin nhắn được ấn định ở mức 5.000đ/tin



Định phí

Chi phí thuê bao hàng tháng được ấn định trong hợp đồng cùng với số phút được gọi. Chi phí thuê bao hàng tháng không thay đổi trong phạm vi số phút được gọi.

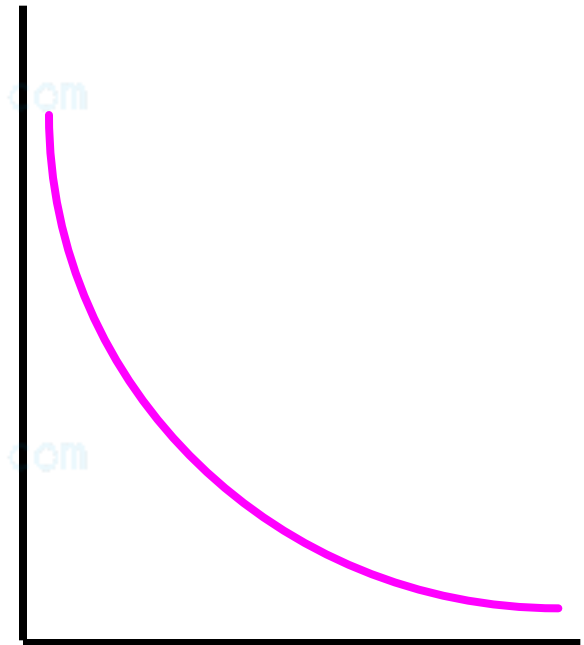


Định phí đơn vị

Theo hợp đồng, **cước thuê bao tính cho mỗi phút gọi** giảm khi số phút đã gọi tăng lên.



Cước thuê bao/phút



Số phút đã gọi

Phân loại chi phí để dự đoán cách ứng xử của chi phí

Cách ứng xử của chi phí (trong phạm vi thích hợp)		
Chi phí	Tổng	CP đơn vị
Biến phí	Tổng biến phí thay đổi theo mức hoạt động	Biến phí đơn vị không đổi khi mức hoạt động thay đổi
Định phí	Tổng định phí không đổi khi mức hoạt động thay đổi	Định phí đơn vị giảm khi mức hoạt động tăng lên

cuu duong than cong. com

MỤC TIÊU 6

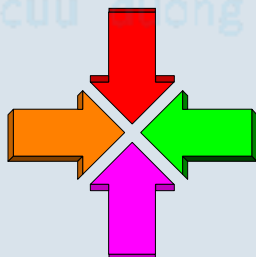
Phân biệt được
chi phí trực tiếp và
chi phí gián tiếp



Phân bổ chi phí

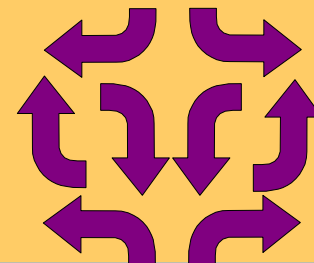
Chi phí trực tiếp

- ▶ CP dễ dàng nhận dạng được cho từng đơn vị SP.
- ▶ VD: NVL trực tiếp, NC trực tiếp.



Chi phí gián tiếp

- ▶ CP không thể nhận dạng được cho từng đơn vị SP.
- ▶ VD: CP sản xuất chung.



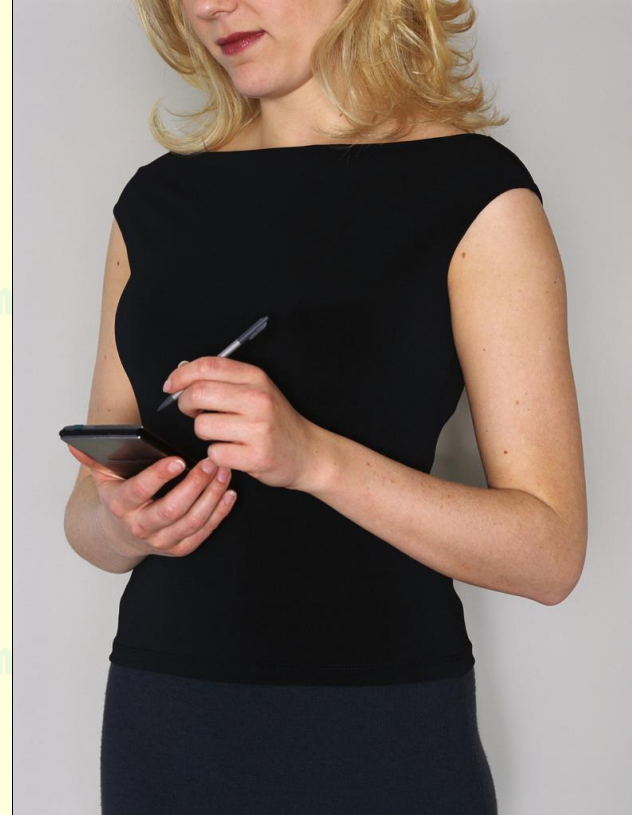
MỤC TIÊU 7

Định nghĩa và cho ví dụ về các loại chi phí phục vụ việc ra quyết định, gồm chi phí chênh lệch, chi phí cơ hội và chi phí chìm.



Phân loại chi phí phục vụ việc ra QĐ

- ▶ Mỗi quyết định liên quan đến việc lựa chọn giữa hai hay nhiều phương án.
- ▶ Chỉ những chi phí và lợi ích khác biệt giữa các phương án mới là thông tin thích hợp cho việc ra QĐ. Các chi phí và lợi ích khác có thể bỏ qua không cần xét đến.



Chi phí chênh lệch

Chi phí và doanh thu chênh lệch giữa các phương án.

VD: Anh/chị hiện đang làm công việc được trả lương \$1,500/tháng ở Hà nội. Anh/chị nhận được lời mời làm công việc khác ở Hải Dương với mức lương \$2,000/tháng. Chi phí đi lại HN-HD là \$300/tháng.

Doanh thu chênh lệch là:

$$\text{\$2,000} - \text{\$1,500} = \text{\$500}$$

Chi phí chênh lệch là:

\$300

Chi phí cơ hội

**Lợi ích tiềm tàng bị mất đi
khi lựa chọn một phương án này
thay vì chọn phương án khác.**

VD: Nếu anh/chị không học đại học, anh chị có thể kiếm được \$15,000/năm.

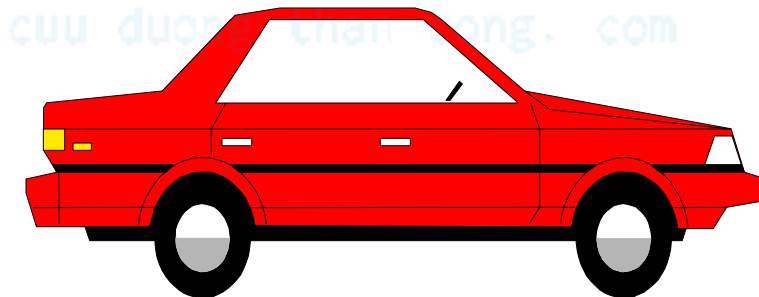
Chi phí cơ hội của việc học đại học là \$15,000/năm.



Chi phí chìm

Là chi phí đã phát sinh và không thể thay đổi trong hiện tại và tương lai. Có thể bỏ qua không xem xét các chi phí này khi ra quyết định.

VD: 2 năm trước, anh/chị mua 1 chiếc ô tô trị giá \$10,000. Chi phí \$10,000 là chi phí chìm bởi vì anh/chị không thể thay đổi chi phí đó cho dù anh/chị tiếp tục sử dụng hay quyết định bán ô tô.



Tổng hợp các tiêu thức phân loại chi phí

Báo cáo tài chính

**Dự đoán
cách ứng xử
của chi phí**

Phân bổ chi phí

**Phục vụ việc
ra quyết định**

cuu duong than cong. com

Kết thúc Chương 2

cuu duong than cong. com

Bản quyền thuộc ĐH Kinh tế, ĐHQGHN